

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03-3-2021

V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị PH Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thêu.

2. Ông Lại Đức Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị H** - Sinh năm 1996.

ĐKKH: Thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Số nhà X TH, K, Y, Kanagawa, Japan.

* *Bị Đơn:* Anh **Đỗ Văn T** - Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị H, anh T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn xin ly hôn; Bản tự khai; Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 06/01/2021; Nguyên đơn - chị Đỗ Thị H trình bày:* Chị và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình ngày 18/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 1-2 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, kinh tế gia đình và cách nuôi dạy con chung. Thời gian đầu mâu thuẫn chưa

trầm trọng nhưng đến khoảng năm 2015 thì vợ chồng chính thức sống ly thân. Đầu năm 2019, chị sang Nhật Bản làm ăn sinh sống nên mâu thuẫn vợ chồng không thể tháo gỡ, ngày càng trầm trọng hơn. Mặt khác, hai vợ chồng xa mặt cách lòng nên không thể hàn gắn, đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn T.

Chị và anh Đỗ Văn T có 01 con chung là Đỗ Hương D, sinh ngày 24/10/2013. Hiện nay con D đang sinh sống cùng anh Đỗ Văn T. Ly hôn chị đồng ý để anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên chị không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án, chị có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Tại Bản tự khai; Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 05/02/2021; Bị đơn - anh Đỗ Văn T trình bày:* Anh và chị Đỗ Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình ngày 18/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 1-2 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lối sống và hai bên sống không hạnh phúc. Đến năm 2015 vợ chồng chính thức sống ly thân. Đầu năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng không thể tháo gỡ, ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý.

Anh và chị H có 01 con chung là Đỗ Hương D, sinh ngày 24/10/2013. Hiện nay con D đang sinh sống cùng anh. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và vay nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận mãi anh không thể tham gia tố tụng tại phiên tòa, anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:** Chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Văn T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Văn T kết hôn hợp pháp có đăng ký kết hôn ngày 18/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1-2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không tìm được tiếng nói chung, hai bên đã sống ly thân từ năm 2015. Đến năm 2019, chị H đi làm ăn sinh sống tại Nhật Bản mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng và không thể hàn gắn, đoàn tụ. Nay chị H xin ly hôn, anh T đồng ý thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Văn T có 01 con chung là Đỗ Hương D, sinh ngày 24/10/2013. Hiện nay cháu D đang do anh Đỗ Văn T nuôi dạy. Ly hôn anh T đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, chị H đồng ý, cháu D có đơn đề nghị được ở với bố. Vì vậy, áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật. Do anh T và chị H đề nghị tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi nên việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị H và anh Đỗ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Anh Đỗ Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Đỗ Hương D, sinh ngày 24/10/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Đỗ Thị H nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005002 ngày 02/02/2021 (do anh Nguyễn Lâm Phú nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Đỗ Thị H, anh Đỗ Văn T. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Đồng Tiến. h. Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị PH Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị PH Thảo

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 03/3/2021; Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị PH Thảo.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Nguyễn Thị Thêu.

- Ông Lại Đức Lợi.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 05/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/02/2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” giữa:

* *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị H** - Sinh năm 1996.

ĐKKH: Thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: Số nhà 4-15-2 Takada Higashi, Kohoku-ku, Yokohama-shi, Kanagawa, Japan.

* *Bị Đơn:* Anh **Đỗ Văn T** - Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

A. Về điều luật áp dụng: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3/3 Nhất trí

B. Quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Anh Đỗ Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Đỗ H D, sinh ngày 24/10/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Đỗ Thị H nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005002 ngày 02/02/2021 (do anh Nguyễn Lâm Phú nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

3/3 Nhất trí

C. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Anh Đỗ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

3/3 Nhất trí

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị PH Thảo